

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI BÌNH
TỈNH THÁI BÌNH

Bản án số: 194/2023/HS-ST
Ngày 30/10/2023

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Vũ Việt Phương;
- Bà Nguyễn Ngọc Hà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Quyên – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình tham gia phiên tòa: Ông Đặng Cao Cường – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 10 năm 2023, tại Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 180/2023/HSST ngày 03 tháng 10 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 185/2023/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 10 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. **Phạm Văn T1**, sinh ngày 28/10/1975, tại tỉnh Thái Bình; Nơi cư trú: Tổ dân phố B, thị trấn H, huyện H, tỉnh Thái Bình; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: Lớp 4/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Con ông Phạm Ngọc T3 và bà Tô Thị T4 (đã chết); Có vợ là Phạm Thị T5, có 02 con; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Quyết định xử phạt hành chính số 40/QĐ-XPHC, ngày 05/12/1991 của Công an huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình xử phạt 50.000 đồng về hành vi Cưỡng đoạt tài sản. Quyết định xử phạt hành chính số 47/QĐ-XPHC ngày 15/01/2014 của Công an huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình xử phạt bằng hình T1 cảnh cáo về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Bị tạm giữ từ ngày 29/6/2023 đến ngày 05/7/2023 chuyển tạm giam đến nay.

2. **Tô Thành T2**, sinh ngày 13/5/1982, tại tỉnh Thái Bình; Nơi cư trú: Thôn Đ, xã G, huyện H, tỉnh Thái Bình; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn

hóa: Lớp 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Con ông Tô Xuân X và bà Tô Thị M; Có vợ là Nguyễn Thị N, có 02 con; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Bản án số 36/2006/HSST ngày 01/9/2006 của Tòa án nhân dân huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình xử phạt 15 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy; chấp hành xong án phí ngày 16/11/2006; chấp hành xong hình phạt tù ngày 15/9/2007. Bản án số 02/2009/HSST ngày 20/01/2009 của Tòa án nhân dân huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình xử phạt 12 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, chấp hành xong án phí ngày 10/4/2009, chấp hành xong hình phạt tù ngày 14/10/2009. Bản án số 167/2014/HSST ngày 22/9/2014 của Tòa án nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng xử phạt 05 năm 06 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, chấp hành xong án phí ngày 16/3/2015, chấp hành xong hình phạt tù ngày 06/10/2018. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 29/6/2023 đến ngày 05/7/2023 chuyển tạm giam đến nay.

** Người chứng kiến:*

1. Anh Phạm Ngọc B, sinh năm 1976, trú tại: Thôn Tiên Sơn, xã Vũ Chính, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình. Vắng mặt.

2. Anh Lê Anh T6, sinh năm 1992, trú tại thôn Trường Mai, xã Tân Bình, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình. Vắng mặt.

(Tại phiên tòa có mặt các bị cáo, vắng mặt anh B, anh T6).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ 15 phút ngày 29/6/2023, Phạm Văn T1 gặp Tô Thành T2 tại khu vực cổng Bệnh viện đa khoa huyện H, tỉnh Thái Bình, T2 nói với T1 “Anh có ma túy không bán cho em 3.000.000 đồng”, T1 nói “Hiện chưa có, cứ đưa tiền và chờ ở đây lúc nữa anh quay lại đưa cho”, T2 đồng ý và đưa cho T1 3.000.000 đồng (gồm 06 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng), T1 nhận tiền rồi đi xe buýt lên khu vực bến xe khách H, phường P, thành phố T, tỉnh Thái Bình T1 xuống xe rồi đi bộ đến khu vực đường Đ, thôn L, xã P, thành phố T, tỉnh Thái Bình thì gặp một người nam giới không biết tên tuổi và địa chỉ, T1 hỏi người này “Em có ma túy không bán cho anh 5.000.000 đồng”, người nam giới trả lời “Có, đưa tiền đây”, T1 lấy 3.000.000 đồng do T2 đưa và tiền của T1 2.000.000 đồng đưa cho người nam giới, người này nhận tiền và đưa lại cho T1 01 túi nilon trong suốt có mép cài viền màu đỏ và 01 túi nilon trong suốt có mép cài, bên trong cả 02 túi này đều có chứa chất bột màu trắng dạng cục, T1 cất 02 túi ma túy vào 02 túi quần T1 đang mặc, dự định đi xe buýt về huyện H để đưa ma túy cho T2. Đến khoảng 12 giờ 30 phút cùng ngày, T1 đi đến khu vực đường Đ, thôn L, xã P, thành phố T thì bị tổ công tác của Công an thành phố Thái Bình phát hiện. Tại

đây, trước sự chứng kiến của anh Phạm Ngọc B và anh Lê Anh T6, T1 tự giác lấy từ túi quần bên phải của T1 ra giao nộp cho tổ công tác 01 túi nilon trong suốt có mép cài viền màu đỏ và khai nhận đó là Heroine mua về để bán kiếm lời (niêm phong ký hiệu M1); T1 lấy từ túi quần bên trái của T1 ra giao nộp cho tổ công tác 01 túi nilon trong suốt có mép cài và khai nhận đó là Heroine mua về để bán lại cho Tô Thành T2 (niêm phong ký hiệu M2). Sau đó tổ công tác yêu cầu T1 và mời người chứng kiến về Công an xã P, thành phố T để làm việc. Tại đây, tổ công tác quản lý của T1 01 ví da màu nâu bên trong có 01 căn cước công dân mang tên Phạm Văn T1 và 130.000 đồng; 01 dao tem kim loại có chữ “DORCO”, 16 mảnh giấy bạc màu trắng. Cùng ngày, cơ quan Điều tra Công an thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Phạm Văn T1 không phát hiện thu giữ gì.

Bản kết luận giám định số 1040/KL-KTHS, ngày 03/7/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình kết luận: “Mẫu vật trong phong bì niêm phong ký hiệu M1 gửi giám định là ma túy, loại Heroine, có khối lượng 1,7571 gam; Mẫu vật trong phong bì niêm phong ký hiệu M2 gửi giám định là ma túy, loại Heroine, có khối lượng 1,7075 gam.

Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như cáo trạng đã nêu.

Bản cáo trạng số 186/CT – VKSTPTB ngày 02/10/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình truy tố bị cáo Phạm Văn T1 về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Tô Thành T2 về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo về tội danh và đề nghị Hội đồng xét xử:

* Về hình phạt:

- Áp dụng khoản 1, khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35; Điều 38; Điều 50 Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Phạm Văn T1 04 năm 06 tháng đến 04 năm 09 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 29/6/2023. Phạt bị cáo Phạm Văn T1 05 đến 07 triệu đồng để sung ngân sách nhà nước.

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 50 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Tô Thành T2 02 năm 06 tháng đến 02 năm 09 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 29/6/2023. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Tô Thành T2.

* Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 1,7165 gam Heroine còn lại sau giám định và

toàn bộ bao gói (ký hiệu M1) và 1,6721 gam Heroine còn lại sau giám định và toàn bộ bao gói (ký hiệu M2) quản lý của Phạm Văn T1 trong phong bì hoàn trả mẫu vật giám định số 1040/KL-KTHS của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Thái Bình; 01 dao tem kim loại có chữ “DORCO”, 16 mảnh giấy bạc màu trắng. Trả lại bị cáo Phạm Văn T1 01 ví da màu nâu, 01 căn cước công dân mang tên Phạm Văn T1 và số tiền 130.000 đồng nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

* Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo không có ý kiến bào chữa và không tranh luận.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Quyết định tố tụng, hành vi tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Thái Bình, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét thấy, lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố, chứng minh cho hành vi phạm tội của nhau, phù hợp với lời khai của người chứng kiến và còn được chứng minh bằng: Biên bản bắt người phạm tội quả tang; Biên bản niêm phong vật chứng; Bản kết luận giám định số 1040/KL-KTHS, ngày 03/7/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình, lời khai của những người chứng kiến và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để kết luận: Khoảng 12 giờ 30 phút ngày 29/6/2023, tại khu vực đường Đ, thôn L, xã P, thành phố T, tổ công tác của Công an thành phố Thái Bình phát hiện, bắt quả tang Phạm Văn T1 có hành vi tàng trữ trong người 01 túi ma túy, loại Heroine, có khối lượng 1,7571 gam và 01 túi ma túy, loại Heroine, có khối lượng 1,7075 gam mục đích để bán kiếm lời. Trong đó 01 túi ma túy, loại Heroine, có khối lượng 1,7075 gam, T1 để bán cho Tô Thành T2 lấy 3.000.000 đồng (T1 đã nhận tiền của T2). T2 mua ma túy của T1 mục đích để sử dụng cho bản thân. Tổng khối lượng ma túy T1 tàng trữ để bán 3,4646 gam Heroine.

Điều 249 Tội tàng trữ trái phép chất ma túy

“1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

...

c) Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam;”

...

Điều 251. Tội mua bán trái phép chất ma túy

1. Người nào mua bán trái phép chất ma túy, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.”

Hành vi của bị cáo Phạm Văn T1 đã phạm vào tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự, hành vi của bị cáo Tô Thành T2 đã phạm vào tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự, như vậy Cáo trạng truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Đánh giá tính chất, mức độ hậu quả hành vi phạm tội của các bị cáo: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý chất ma túy của nhà nước, gây ảnh hưởng đến an ninh, trật tự và an toàn xã hội, gây hoang mang cho quần chúng nhân dân. Các bị cáo đã nhận T1 rõ việc mua bán, tàng trữ trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện, thể hiện sự coi thường pháp luật.

[4] Xét về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo: Các bị cáo đều có nhân thân xấu, bị cáo T1 đã bị xử phạt hành chính, bị cáo T2 đã 03 lần phạm tội bị Tòa án đưa ra xét xử. Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự và đều thành khẩn khai báo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo T1 có bố đẻ được Nhà nước tặng Huân chương kháng chiến hạng nhì nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Về hình phạt:

[5.1] Hình phạt chính: Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo. Cần thiết phải xử phạt mức hình phạt nghiêm minh với hành vi phạm tội của bị cáo và phải cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian nhất định mới có tác dụng cải tạo giáo dục bị cáo và đấu tranh phòng ngừa tội phạm.

[5.2] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo T1 bán ma túy với mục đích kiếm lời nên áp dụng khoản 5 Điều 251 Bộ luật Hình sự phạt bổ sung phạt bị cáo 05 triệu đồng để nộp ngân sách nhà nước. Bị cáo T2 tàng trữ ma túy để sử dụng, không có mục đích kiếm lời nên không áp dụng hình phạt bổ sung.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình phù hợp với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo. Hội đồng xét xử cần xem xét khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo.

[7] Về vật chứng: Số ma túy thu giữ của Phạm Văn T1 được hoàn trả sau giám định là vật thuộc loại nhà nước cấm lưu hành; 01 dao tem kim loại có chữ “DORCO”; 16 mảnh giấy bạc màu trắng giá trị không đáng kể, cần tịch thu tiêu hủy. Số tiền 130.000 đồng; 01 căn cước công dân và 01 ví da màu nâu quản lý của bị cáo T1, không liên quan đến hành vi phạm tội cần trả lại cho bị cáo.

[8] Về nguồn gốc số ma túy: Bị cáo T1 khai mua ma túy của một người nam giới tại khu vực đường Đ, thôn L, xã P, thành phố T, tỉnh Thái Bình nhưng không biết tên, tuổi địa chỉ nên cơ quan Điều tra không có căn cứ để điều tra, xác minh xử lý.

[9] Về án phí và quyền kháng cáo: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Phạm Văn T1 phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”; Bị cáo Tô Thành T2 phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

2. Về hình phạt:

2.1 Áp dụng khoản 1, khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Phạm Văn T1 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 29/6/2023. Phạt bổ sung bị cáo Phạm Văn T1 5.000.000 đồng để nộp ngân sách nhà nước.

2.2. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 38; Điều 50 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Tô Thành T2 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 29/6/2023.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

3.1. Tịch thu tiêu hủy: 1,7165 gam ma túy loại heroine cùng toàn bộ bao gói (ký hiệu M1) và 1,6721 gam ma túy loại heroine cùng toàn bộ bao gói (ký hiệu M2) quản lý của Phạm Văn T1 trong phong bì hoàn trả mẫu vật giám định số 1040/KL-KTHS của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Thái Bình; 01 dao tem kim loại có chữ “DORCO”, 16 mảnh giấy bạc màu trắng.

3.2. Trả lại bị cáo Phạm Văn T1 01 ví giả da màu nâu, 01 căn cước công dân mang tên Phạm Văn T1 và số tiền 130.000 đồng.

(Vật chứng có đặc điểm như trong Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản giữa Công an thành phố Thái Bình và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình ngày 03/10/2023).

4. Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự: Các bị cáo có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 30/10/2023)./.

Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng;
- Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- VKSND TP Thái Bình;
- Cơ quan CSĐT Công an TP Thái Bình;
- Cơ quan THAHS Công an TP Thái Bình;
- Chi cục THADS TP Thái Bình;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Chu Thị Tuyết